

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.376.097.945.292	2.133.554.118.208
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	62.012.066.824	78.726.876.407
1. Tiền	111		45.573.463.470	78.726.876.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.438.603.354	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		170.372.216.533	59.162.580.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	170.372.216.533	59.162.580.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.734.859.800.261	1.711.142.769.866
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.499.540.310.250	1.420.461.874.553
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	89.318.722.919	25.127.136.618
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	44.065.240.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	152.378.113.756	227.865.865.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(6.377.346.664)	(6.377.346.664)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		392.779.834.268	276.086.608.515
1. Hàng tồn kho	141	V.7	392.779.834.268	276.086.608.515
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.074.027.406	8.435.283.420
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.630.915.245	4.153.290.526
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.809.337.821	3.557.197.704
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	633.774.340	724.795.190
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Báo cáo công ty mẹ) (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.166.481.232.540	1.028.002.720.396
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.579.801.105	3.268.856.401
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.579.801.105	3.268.856.401
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		324.823.505.740	275.329.526.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	257.291.414.741	217.214.084.692
<i>Nguyên giá</i>	222		353.783.394.107	291.214.922.660
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.491.979.366)	(74.000.837.968)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	53.366.234.835	43.349.473.749
<i>Nguyên giá</i>	225		67.638.516.928	50.166.101.021
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(14.272.282.093)	(6.816.627.272)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.165.856.164	14.765.967.560
<i>Nguyên giá</i>	228		22.752.895.780	22.084.385.780
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.587.039.616)	(7.318.418.220)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	122.453.066.607	109.030.350.421
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		122.453.066.607	109.030.350.421
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		642.838.456.148	548.774.575.250
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	642.407.463.384	518.909.920.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	43.664.810.466	54.664.810.466
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(48.943.817.702)	(46.380.155.216)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	3.000.000.000	18.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		72.786.402.940	91.599.412.323
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	72.786.402.940	91.599.412.323
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.542.579.177.832	3.161.556.838.604

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Báo cáo công ty mẹ) (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.522.465.017.982	2.183.888.984.138
I. Nợ ngắn hạn	310		2.354.529.363.697	2.047.509.439.660
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	327.474.076.907	224.993.240.971
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	222.750.777.022	4.286.409.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.688.215.876	1.675.989.364
4. Phải trả người lao động	314		9.313.068.147	8.405.429.138
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	12.342.293.104	8.318.150.768
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	178.515.367.254	181.445.349.832
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.590.403.093.094	1.607.626.273.152
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.042.472.293	10.758.597.293
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		167.935.654.285	136.379.544.478
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	719.522.866	729.522.866
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	167.216.131.419	135.650.021.612
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (Báo cáo công ty mẹ) (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.020.114.159.850	977.667.854.466
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.020.114.159.850	977.667.854.466
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.593.162.672	31.593.162.672
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		126.354.952.798	127.286.107.414
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.092.982.254	34.696.766.307
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.261.970.544	92.589.341.107
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.542.579.177.832	3.161.556.838.604

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)
Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Đơn vị tính: VND		
		Quý IV.2020	Quý IV.2019	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 VI.1	1.330.105.211.094	1.211.154.432.897	4.181.676.257.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02 VI.2	27.796.560.236	32.116.472.553	85.472.146.185
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.302.308.650.858	1.179.037.960.344	4.096.204.111.500
4. Giá vốn hàng bán	11 VI.3	1.225.054.107.443	1.116.161.798.458	3.802.864.559.128
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	77.254.543.415	62.876.161.886	293.339.552.372
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 VI.4	103.906.936.857	107.378.098.783	168.331.919.396
7. Chi phí tài chính	22 VI.5	39.137.952.415	35.937.973.736	133.826.568.831
Trong đó: chi phí lãi vay	23	40.275.585.986	31.422.254.328	127.647.427.047
8. Chi phí bán hàng	25 VI.6	46.833.447.054	58.399.552.330	160.604.933.861
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 VI.7	19.548.673.437	15.564.690.989	68.472.651.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	75.641.407.366	60.352.043.614	98.767.317.681
11. Thu nhập khác	31 VI.8	33.937.029	178.852.144	1.011.135.141
12. Chi phí khác	32 VI.9	4.038.809.444	603.141.197	8.414.423.844
13. Lợi nhuận khác	40	(4.004.872.415)	(424.289.053)	(7.403.288.703)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	71.636.534.951	59.927.754.561	91.364.028.978
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.102.058.434	-	5.102.058.434
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	66.534.476.517	59.927.754.561	86.261.970.544



CHỈ TIÊU

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Mã Thuyết

số minh

70

71

Quý IV.2020

-

-

Quý IV.2019

-

-

Năm 2020

-

-

Năm 2019

-

-

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021



Lê Vĩnh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		91.364.028.978	92.600.563.107
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		31.217.393.055	18.885.644.817
- Các khoản dự phòng	03		2.563.662.486	8.194.667.454
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(761.918.202)	283.652.856
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(166.936.462.160)	(170.759.472.860)
- Chi phí lãi vay	06		127.450.802.047	99.596.755.174
- Các khoản điều chỉnh khác	07		196.625.000	196.625.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		85.094.131.204	48.998.435.548
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(201.235.271.728)	(539.663.306.424)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(116.693.225.753)	(26.030.227.265)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		88.046.453.749	199.762.328.043
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		16.333.409.224	(87.148.059.906)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(128.388.941.340)	(98.742.322.734)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.102.058.434)	(11.222.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(716.125.000)	(1.675.696.952)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(262.661.628.078)	(504.510.071.690)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(76.013.660.088)	(23.423.973.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.945.265.405
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(197.217.736.533)	(242.149.431.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		145.943.340.000	249.774.760.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(79.692.489.177)	(24.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	23.336.987.305
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		262.783.549.512	172.217.630.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		55.803.003.714	158.501.237.742

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (Báo cáo công ty mẹ) (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2020	2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.650.316.182.909	2.999.853.573.486
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.404.270.506.612)	(2.578.656.457.209)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(13.946.338.222)	(7.956.012.578)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.946.120.894)	(68.054.781.600)
				1 H A
				EM
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>190.153.217.181</i>	<i>345.187.322.099</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.705.407.183)	(821.511.849)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	78.726.876.407	79.973.102.291
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(9.402.400)	(424.714.035)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	62.012.066.824	78.726.876.407

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình nóng lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Bauktaw, Yankin	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công	52,5%	52,5%	52,5%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	Township, Yangon, Myanmar	ng nghiệp			
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà Free Solar	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện	90%	100%	90%
Công ty TNHH Quản lý Vận Hành và Kinh Doanh nước sạch Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Khai thác và xử lý nước	100%	100%	100%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đồng Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%	20,15%	20,15%
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh đồ dùng gia dụng khác	30%	30%	30%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Dương 2	Khu dân cư Ninh Cháp 7, P,Nguyễn Thái Học, TP Chí Linh, Hải Dương.
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 7, xã Hy Cương, TP Việt Trì, Phú Thọ
Chi nhánh Ninh Bình	Phố An Hòa, Phường Ninh Phong, Thành Phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Ninh Bình 2	Km2, đường 12 B, Phố Tân Nhất, TT. Nho Quan, H. Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hà Nam	SN 81, Đường Lê Hoàn, Tổ 6, P.Quang Trung, TP Phủ Lý, Hà Nam
Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, H.Chương Mỹ, Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thái Nguyên 2	Tổ 3 – Phường Cam Giá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Tuyên Quang 2	Km 26 thôn Làng Mãn 2, xã Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Sơn Tây	Quốc Lộ 21, Thôn Tân Phú, Xã Sơn Đông, TX Sơn Tây, Hà Nội
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2 - TT. Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Sơn La	(Cạnh công nhà máy xi măng Chiềng Sinh), Đường Lê Duẩn, Tổ 4, P.Chiềng Sinh, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sơn La 2	Km181, Quốc lộ 6, số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, TT Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hòa Bình	Tổ 4, Phường Thống Nhất, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Bắc Giang	Thôn 9, Xã Việt Tiến, Huyện Việt Yên, Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Giã Khê, Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Thái Bình	Nhà ông Đặng Văn Thơm, Thôn Lê Lợi 1, Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
Chi nhánh Thái Bình 2	Nhà ông Nguyễn Văn Long, Xóm 7, thôn Trình Trung, Xã An Ninh, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Bắc Ninh	Km2, đường Trần Hưng Đạo (thuê của HTX dịch vụ TH P. Đại Phúc), Phường Đại Phúc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Quốc Oai	Bên cạnh cây xăng, Cửa Sâu, thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Lạng Sơn	Thôn Khòn Pát , Xã Mai Pha, Thành Phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nam Định 2	Khu 3, TT Yên Định. H.Hải Hậu, Nam Định
Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Hưng Yên 2	Đội 7, Thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Hà Nam 02	Xóm 3, xã Tràng An, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam
Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, Phường Tân Phong, Thành Phố Lai Châu, Tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Quảng Ninh 2	Số 731, tổ 1 Khu 1 Phường Hà Khẩu, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Quảng Ninh 3	Khu Quy Hoạch Trại Tinh, P.Đông Mai, TX Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh.
Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 7, xã Hương Nộn, H.Tam Nông, Phú Thọ
Chi nhánh Điện Biên	Đội 7a, Xã Pom Lót, Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Phố Phú Lâm, TT Lập Thạch, H.Lập Thạch, Vĩnh Phúc.
Chi nhánh Hà Giang	Tổ 8, TT Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang
Chi nhánh Bắc Kạn	Số 193, tổ 9, P.Phùng Chí Kiên, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2020, Công ty có 520 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 530 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)
Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (47 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cổ phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

077
)NG
Ở PH
ƯỚC
ON
LIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BẢO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.638.042.309	4.477.400.139
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.935.421.161	74.249.476.268
Các khoản tương đương tiền	16.438.603.354	
Cộng	62.012.066.824	78.726.876.407

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	170.372.216.533	59.162.580.000
Tiền gửi có kỳ hạn	170.372.216.533	59.162.580.000
Dài hạn	3.000.000.000	18.870.000.000
Trái phiếu	3.000.000.000	18.870.000.000
Cộng	173.372.216.533	78.032.580.000

2b. Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	642.407.463.384	(17.538.039.086)	518.909.920.000	(12.832.126.950)
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾	190.000.000.000	-	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	2.550.000.000	(2.748.329.111)	2.550.000.000	(1.744.522.947)
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.215.500.000	-	23.215.500.000	-
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà ^(iv)	6.900.000.000	-	6.900.000.000	-
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc ^(v)	10.000.000.000	(2.467.846.218)	10.000.000.000	(2.307.379.037)
Son Ha Myanmar International Limited ^(vi)	19.159.020.000	(12.321.863.757)	19.159.020.000	(8.780.224.966)
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ ^(vii)	363.835.400.000	-	363.835.400.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền ^(viii)	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà ^(ix)	13.200.000.000	-	13.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An ^(x)	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh ^(x)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà ^(x)	-	-	-	-
Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar ^(xi)	13.497.543.384	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	43.664.810.466	(31.405.778.616)	54.664.810.466	(33.548.028.266)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà ^(xii)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn ^(xiii)	12.259.031.850	-	12.259.031.850	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà – Wegen ^(xiv)	-	-	11.000.000.000	(2.142.249.650)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000	-	2.710.000.000	-
Cộng	688.782.273.850	(48.943.817.702)	576.284.730.466	(46.380.155.216)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 14 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam 220.000.000.000 VND. Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn bằng tiền là 78.692.489.117 VND và bù trừ công nợ là 31.307.510.823 VND, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 100%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107776684 ngày 24 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà là 5.000.000.000 VND, tương đương với 500.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà 255.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101809894 thay đổi lần thứ 8 ngày 05 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư 2.579.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, chiếm tỷ lệ 51,59% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107833170 ngày 08 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

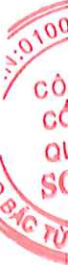
Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Dự án Sơn Hà là 10.000.000.000 VND, đương đương 1.000.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà 690.000 cổ phiếu, tương đương 69% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107863062 ngày 26 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc 10.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600119 ngày 23 tháng 3 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, điều chỉnh lần thứ hai vào ngày 19 tháng 3 năm 2018, Công ty đầu tư 840.000 USD vào Sơn Hà Myanmar International Limited, tương đương 52,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700321798 thay đổi lần thứ 14 ngày 31 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ là 468.500.000.000 VND, tương ứng với 4.685.000 cổ phiếu. Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ 34.830.000 cổ phiếu, tương đương 74,34% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901891940 ngày 30 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền 5.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Vốn điều lệ còn phải góp vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền là 4.950.000.000 VND.
- (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108894955 ngày 09 tháng 9 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà là 22.000.000.000 VND. Công ty đầu tư 1.320.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà, chiếm tỷ lệ 60% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (x) Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ thông qua việc chuyển toàn bộ vốn góp của Sơn Hà tại 03 Công ty: Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà về Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ. Sau quá trình tái cấu trúc, 03 Công ty này trở thành Công ty con 100% vốn sở hữu bởi Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ.
- (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0109231781 ngày 19 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar là 15.000.000.000 VND tương đương 1.500.000 cổ phiếu. Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar bằng hàng hóa với giá trị 12.497.543.384 VND và bằng tiền 1.000.000.000 VND, tỷ lệ sở hữu của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh là 90%. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Vốn điều lệ Công ty còn phải góp 2.456.616 VND
- (xii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán của năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.287.647 cổ phiếu, tương đương 20,13% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà.



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xiii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.009.602 cổ phiếu, tương đương 20,15% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn.
- (xiv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9801669605 ngày 21 tháng 02 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư 11.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen, tương đương 50% vốn điều lệ. Ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam (được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Sơn Hà –Wegen) cho Công ty TNHH Wegen Viet Nam Holdings theo hợp đồng chuyển nhượng số 06/2020/CNVG/SH-Wegen. Đồng thời cùng ngày 29/10/2020, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 40/2020/NQ-SH thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Wegen Energy Viet Nam.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà mới thành lập và đang tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong hiện tại.

Các công ty con, công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Số đầu năm
Số đầu năm	46.380.155.216	36.830.287.762
Trích lập dự phòng bổ sung	5.280.260.818	9.549.867.454
Hoàn nhập dự phòng	(2.716.598.332)	-
Số cuối kỳ	48.943.817.702	46.380.155.216

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	77.907.381.631	341.102.844.904
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-	238.250.946.488
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-	32.901.902
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	19.786.278.156	28.100.693.383
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	51.470.263	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	-	11.556.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.384.588.727
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	-	36.171.270
Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar	21.879.196.557	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	3.705.558.050	46.109.114.058
Son Ha Myanmar International Limited	20.971.814.325	17.861.605.639
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	266.394.403	2.961.181.120
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	416.840.271	416.840.271
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	-	235.828.015
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	554.810.902	664.958.213
Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và môi trường nước Sơn Hà	165.986.740	16.500.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	-	41.603.013
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	297.778.000	132.778.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	5.228.665.237	1.548.578.516
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Dịch vụ SAKURA	99.000.000	99.000.000
Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	99.000.000	198.000.000
Phải thu các khách hàng khác	1.421.632.928.619	1.079.359.029.649
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	239.026.432.242	149.152.612.352
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hung	296.025.458.661	156.644.890.533
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	154.268.468.157	157.640.112.031
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	140.575.583.488	85.724.113.913
Các khách hàng khác	591.736.986.071	530.197.300.820
Cộng	1.499.540.310.250	1.420.461.874.553

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Công nghiệp Trường Tuyền	500.000.000	500.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	88.818.722.919	24.627.136.618
Công ty TNHH thương mại Inox Nhật Minh	28.883.749.447	-
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Minh Ngọc	23.355.550.863	-
Công ty TNHH Thiện Hải Thái Nguyên	7.014.173.752	-
XTron Air - Conditioning Manufacture (Thailand) Co., Ltd	-	4.121.911.789
Công ty TNHH tối ưu mạng nước	4.023.747.300	4.023.747.300
Công ty Cổ phần Thiết kế kiến trúc Xây Dựng và Tư vấn Đầu tư Đông Dương	3.768.490.513	-
Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	1.535.660.076	2.303.353.200
Công ty TNHH Thương mại và xuất nhập khẩu Auto Car	-	2.506.680.000
Các nhà cung cấp khác	20.237.350.968	11.671.444.329
Cộng	89.318.722.919	25.127.136.618

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	1.565.240.000
Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	-	1.565.240.000
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	42.500.000.000
Cộng	-	44.065.240.000

Lãi suất cho Bên liên quan vay được xác định bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các Ngân hàng mà Công ty đi vay.

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	120.022.690.317		211.615.202.923	
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	15.712.509.371		114.400.027.620	
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	49.890.000		13.597.874.761	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	-		54.296.955.639	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Son Ha Myanmar International Limited	2.675.785.663		2.543.479.524	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	29.045.000		-	
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	-		615.000	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	-		24.960.763.903	
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	100.000.000.000		103.979.520	
Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và môi trường nước Sơn Hà	534.463.457		181.771.173	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	50.459.000		50.459.000	
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	-		617.414.367	
Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	343.992.076		235.316.666	
Công Ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	624.010.000		624.010.000	
Cá nhân có liên quan	2.535.750		2.535.750	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	32.355.423.439		16.250.662.436	
Tạm ứng	687.926.883		722.140.219	
Tạm ứng Lưu Quốc Bảo mua hàng			2.994.384.000	
Ký cược, ký quỹ	2.778.489.902		2.675.458.782	
Đào Thị Thảo - Tạm ứng dự án	10.510.163.760		-	
Nguyễn Hữu Tuấn tạm ứng dự án	7.999.990.000		-	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.378.852.894		9.858.679.435	
Cộng	152.378.113.756		227.865.865.359	
5b. Phải thu dài hạn khác				
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.579.801.105		3.268.856.401	
Ký cược, ký quỹ	3.579.801.105		3.268.856.401	
Cộng	3.579.801.105		3.268.856.401	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)
Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		6.377.346.664		6.377.346.664
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	trên 3 năm	3.540.903.520
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	trên 3 năm	1.891.351.348
Các đối tượng khác	trên 3 năm	945.091.796	trên 3 năm	945.091.796
Cộng		6.377.346.664		6.377.346.664

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	6.377.346.664	7.732.546.664
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.355.200.000)
Số cuối kỳ	6.377.346.664	6.377.346.664

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	22.204.955.751		18.706.361.621	
Nguyên liệu, vật liệu	25.860.602.031		29.027.778.755	
Công cụ, dụng cụ	218.570.913		2.600.362.677	
Hàng hóa	344.495.705.573		225.741.219.182	
Hàng gửi đi bán	-		10.886.280	
Cộng	392.779.834.268		276.086.608.515	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	334.596.518	197.604.319
Công cụ dụng cụ	133.437.730	151.396.234
Chi phí quảng cáo	-	504.981.005
Chi phí thuê nhà, thuê địa điểm	3.342.291.070	2.549.545.492
Chi phí hàng nhập khẩu, xuất khẩu	74.488.795	262.538.846
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.746.101.132	487.224.630
Cộng	6.630.915.245	4.153.290.526

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	2.618.601.207	2.702.711.921
Chi phí thuê nhà, thuê địa điểm	520.492.175	-
Sửa chữa thiết bị, văn phòng	1.145.092.263	1.250.857.074
Chi phí xây dựng showroom	67.642.437.227	86.452.610.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	859.780.068	1.193.233.328
Cộng	72.786.402.940	91.599.412.323

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	111.384.396.063	116.567.489.702	55.536.488.938	7.726.547.957	291.214.922.660
Mua sắm mới, kết chuyển	61.939.052.875	49.062.000	884.541.364	255.870.545	63.128.526.784
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	647.942.545	-	647.942.545
Tặng, giảm khác, phân loại lại	(488.741.186)	(4.136.485.511)	3.417.228.815	-	(1.207.997.882)
Số cuối kỳ	172.834.707.752	112.480.066.191	60.486.201.662	7.982.418.502	353.783.394.107
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.700.357.630	23.190.252.410	3.749.950.572	6.658.381.229	36.298.941.841
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22.175.127.099	31.853.865.062	13.083.434.911	6.888.410.896	74.000.837.968
Khấu hao trong kỳ	6.906.359.761	8.065.025.929	6.925.752.330	280.435.359	22.177.573.379
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	-	313.568.019	-	313.568.019
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm do phân loại lại, giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	29.081.486.860	39.918.890.991	20.322.755.260	7.168.846.255	96.491.979.366
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	89.209.268.964	84.713.624.640	42.453.054.027	838.137.061	217.214.084.692
Số cuối kỳ	143.753.220.892	72.561.175.200	40.163.446.402	813.572.247	257.291.414.741

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27.510.449.546	22.655.651.475	50.166.101.021
Thuê tài chính trong năm	13.338.596.491	4.808.100.873	18.146.697.364
Mua lại tài sản thuê tài chính	(647.942.545)		(647.942.545)
Phân loại lại, giảm khác	(26.338.912)	-	(26.338.912)
Số cuối kỳ	40.174.764.580	27.463.752.348	67.638.516.928
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.290.383.552	2.526.243.720	6.816.627.272
Khấu hao trong năm	4.495.838.693	3.275.359.587	7.771.198.280
Giảm do mua lại tài sản thuê	(313.568.019)		(313.568.019)
Giảm khác (phân loại lại)	(1.975.440)		(1.975.440)
Số cuối kỳ	8.470.678.786	5.801.603.307	14.272.282.093
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	23.220.065.994	20.129.407.755	43.349.473.749
Số cuối kỳ	31.704.085.794	21.662.149.041	53.366.234.835

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Công ty được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.085.358.991	5.999.026.789	22.084.385.780
Mua sắm mới	-	668.510.000	668.510.000
Số cuối kỳ	16.085.358.991	6.667.536.789	22.752.895.780
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		3.086.943.277	3.086.943.277
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.628.000.935	3.690.417.285	7.318.418.220
Khấu hao trong kỳ	483.697.272	784.924.124	1.268.621.396
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ	4.111.698.207	4.475.341.409	8.587.039.616
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.457.358.056	2.308.609.504	14.765.967.560
Số cuối kỳ	11.973.660.784	2.192.195.380	14.165.856.164

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

Trong kỳ, đơn vị không sở hữu bất động sản đầu tư.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển, giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	4.504.149.839	(4.195.800.000)	308.349.839
Xây dựng cơ bản dở dang	109.030.350.421	115.875.597.300	(102.761.230.953)	122.144.716.768
<i>Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm⁽ⁱ⁾</i>	4.750.000.000	-	-	4.750.000.000
<i>Dự án nước Hà Đông⁽ⁱⁱ⁾</i>	50.063.644.956	38.369.901.582	(38.729.750.817)	49.703.795.721
<i>Dự án KCN Tam Dương</i>	1.007.578.440	1.485.296.911		2.492.875.351
<i>Dự án Vân Côn An Thượng⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	42.411.248.677	18.390.574.369	(60.801.823.046)	-
<i>Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai^(iv)</i>	4.289.193.182	38.825.708.594		43.114.901.776
<i>Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)</i>	837.273.338	10.194.311.303		11.031.584.641
<i>Dự án khác</i>	5.671.411.828	8.609.804.541	(3.229.657.090)	11.051.559.279
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
Cộng	109.030.350.421	120.379.747.139	(106.957.030.953)	122.453.066.607

(i) Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước.

(ii) Dự án đầu tư và xây dựng lắp đặt trạm xử lý nước sạch Hà Đông giai đoạn 1 đã đi vào hoạt động dựa trên Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) số 91/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 30/05/2017 giữa Công ty nước sạch Hà Đông với Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Phụ lục bổ sung số 01/2020/HĐHTKD-NHĐ-SONHA. Hiện tại dự án đang tiếp tục triển khai đầu tư giai đoạn 2 để tổ chức thiết kế hệ thống xử lý nước theo công nghệ Nhật Bản, đảm bảo nước đầu ra đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế và tích hợp đồng bộ với hệ thống xử lý nước hiện có để nâng công suất cấp nước của nhà máy đạt 30.000m³/ ngày đêm.

(iii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước 02 xã Vân Côn, An Thượng thuộc Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định 7246/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 và được chấp thuận chủ trương thực hiện dự án bằng hình thức hợp tác kinh doanh tại quyết định 3590/UBND- DT ngày 24/7/2017. Tiến độ thực hiện theo quyết

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

định phê duyệt chủ trương đầu tư nêu trên và điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐ HTKD - NHD - SONHA ngày 02/8/2017 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, đưa dự án vào hoạt động trong năm 2017. Đến hiện tại dự án nước này đã được hoàn thành và đưa vào hoạt động kinh doanh

- (iv) Dự án Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Hiện tại dự án đang tiếp tục triển khai và sẽ hoàn thành theo tiến độ tại quyết định số 1466/ QĐ - UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Hà Nội.

Công trình xây dựng dở dang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	161.672.262.637	71.855.919.058
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	82.868.242.216	58.384.100.573
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.712.402.125	5.495.820.836
Công ty Cổ Phần Sơn Hà - Wegen	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	33.614.351.019	3.433.939.697
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	4.796.417.596	4.542.057.952
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	36.710.091.731	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	970.757.950	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	165.801.814.270	153.137.321.913
Công ty TNHH Posco VST	80.257.394.956	46.483.200.556
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	-	16.830.525.121
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	-	8.920.840.598
WATCH WATER GmbH (NK)	5.977.742.856	5.491.925.525
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	997.120.930	14.560.008.903
Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Đông	29.178.576.517	11.685.919.511
Các nhà cung cấp khác	49.390.979.011	49.164.901.699
Cộng	327.474.076.907	224.993.240.971

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	217.953.033.326	-
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	172.953.033.326	-
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	45.000.000.000	-
Trả trước của các khách hàng khác	4.797.743.696	4.286.409.142
PT.PALMA CONTE MAS	841.178.300	1.323.146.710
PT ACE HARDWARE INDONEXIA ,Tbk	1.336.325.978	
Các khách hàng khác	2.620.239.418	2.963.262.432
Cộng	222.750.777.022	4.286.409.142

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.104.175.823	-	4.147.650.539	(4.248.380.268)	1.003.446.094	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	39.083.369.308	(39.083.369.308)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	318.480.674	(318.480.674)	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	12.835.912.793	(12.835.912.793)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	631.774.340	5.102.058.434	(5.102.058.434)	-	631.774.340
Thuế thu nhập cá nhân	479.510.741	-	5.465.024.465	(3.537.613.424)	2.406.921.782	-
Tiền thuê đất, thuế đất	-	91.020.850	162.212.041	(71.191.191)	-	-
Thuế tài nguyên	92.302.800	-	2.199.811.565	(2.014.266.365)	277.848.000	-
Các loại thuế khác	-	-	51.005.186	(51.005.186)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.000.000	2.962.427.637	(2.962.427.637)	-	2.000.000
Cộng	1.675.989.364	724.795.190	72.327.952.642	(70.224.705.280)	3.688.215.876	633.774.340

Thuế giá trị gia tăng

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.364.028.978	92.600.563.107
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	60.011.888.222	5.153.583.117
- Các khoản điều chỉnh tăng	60.683.092.419	5.682.848.162
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng nguyên giá vượt 1,6 tỷ</i>	1.002.272.211	614.132.192
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	6.147.193.175	5.068.715.970
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền</i>	9.402.400	
<i>Chi phí lãi vay không hợp lệ</i>	53.524.224.632	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(671.204.197)	(529.265.045)
<i>Giảm do lợi nhuận từ liên doanh</i>		(10.724.832)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu</i>	(671.204.197)	(518.540.213)
Thu nhập chịu thuế	151.375.917.200	97.754.146.224
Thu nhập miễn thuế	(156.883.641.200)	(163.630.601.891)
Thu nhập tính thuế	(5.007.724.000)	(65.876.455.667)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	-	-
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	5.102.058.434	11.222.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.102.058.434	11.222.000

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Đối với diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, theo công văn số 1457/CCT-NVQLT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thuế Huyện đơn Phượng, Công ty được phép chuyển số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian được miễn tiền thuê đất (từ ngày 8/11/2006 đến 05/7/2007 và từ 25/8/2007 đến 06/6/2008) sang tiền thuê đất của 2020 là 2.016.896.000 VND và 2021 là 714.970.000 VND.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương tháng 13	6.336.338.506	-
Chi phí lãi vay phải trả	1.810.384.883	2.748.524.176
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.195.569.715	5.569.626.592
Cộng	12.342.293.104	8.318.150.768

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7.629.770.757	2.069.320.345
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	1.100.000	1.100.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	1.916.235.565	2.057.019.843
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	-	8.400.357
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	5.712.435.192	-
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	-	2.800.145
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	170.885.596.497	179.376.029.487
Kinh phí công đoàn	957.190.526	459.719.516

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả LC UPAS ngân hàng TMCP Tiên Phong	62.971.317.194	34.865.519.510
Phải trả LC UPAS ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	105.072.710.326	134.176.344.569
Đặt cọc dự án nước Vân Côn An Thượng	-	8.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.884.378.451	1.874.445.892
Cộng	178.515.367.254	181.445.349.832

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>719.522.866</i>	<i>729.522.866</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	719.522.866	729.522.866
Cộng	719.522.866	729.522.866

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>150.361.492.863</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾	-	123.360.392.863
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	-	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	6.000.000.000	5.001.100.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	4.000.000.000	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.580.403.093.094</i>	<i>1.457.264.780.289</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.533.987.934.521	1.407.236.900.134
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(iv)	604.188.556.684	567.896.113.642
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(v)	148.701.054.315	99.759.291.050
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức ^(vi)	452.289.720.290	473.386.536.877
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP HCM (HDBANK) ^(vii)	94.086.234.865	14.227.699.377
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- CN Tây Hà Nội- TTKD Kim Mã ^(viii)	26.395.428.860	20.020.924.870
Ngân hàng ESUN BANK- Chi nhánh Đồng Nai ^(ix)	43.493.342.629	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương^(v)</i>	118.907.746.753	119.960.588.554
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình^(vi)</i>	-	111.985.745.764
<i>Ngân hàng First Commercial - Chi nhánh Hà Nội^(vii)</i>	45.925.850.125	-
Vay dài hạn đến hạn trả	8.992.089.207	16.213.772.311
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</i>	1.052.092.976	1.400.000.000
<i>Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội</i>	250.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương</i>	-	5.794.155.061
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</i>	-	253.089.250
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	5.131.990.619	5.700.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung</i>	2.558.005.612	3.066.528.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	15.619.694.366	11.814.107.844
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	543.994.250	1.184.604.024
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội	8.733.077.640	6.536.231.820
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTM CP Công Thương Việt Nam	4.093.272.000	4.093.272.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	2.249.350.476	-
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	21.803.375.000	22.000.000.000
Cộng	1.590.403.093.094	1.607.626.273.152

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (v) Khoản vay Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam, mục đích phục vụ bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,83%.
- (vi) Khoản vay Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An, mục đích phục vụ bổ sung vốn lưu động thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 7%.
- (vii) Khoản vay Công ty TNHH Một Thành viên Toàn mỹ Miền Trung, mục đích phục vụ bổ sung vốn lưu động, lãi suất 7,5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (iv) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25 tháng 09 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng 720.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (v) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 23 tháng 11 năm 2020 với tổng hạn mức 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (vi) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25 tháng 09 năm 2020 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, lãi suất điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (vii) Khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản số 14122020/ HĐTUTK-SONHA ngày 14/12/2020; số 15122020/ HĐTUTK-SONHA ngày 15/12/2020; số 09062020/HĐTUTK-SONHA ngày 09/06/2020; số 16062020-01/HĐTUTK-SONHA ngày 16/06/2020; số 16062020-02/HĐTUTK-SONHA ngày 16/06/2020 và số 17062020/HĐTUTK-SONHA ngày 17/06/2019 với mức lãi suất theo từng hợp đồng, thời hạn vay 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (viii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 125/2020/HĐTD/TTKD KMA/01 ngày 08/12/2020 hạn mức 150.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC trả chậm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ix) Khoản vay theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202049 ngày 06/10/2020 với hạn mức 2.000.000 USD (Bằng chữ: Hai triệu Đô La Mỹ chẵn), thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- (x) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 200017/CTD/NHNTHD ngày 25 tháng 03 năm 2020 với hạn mức 120.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (xi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 05 năm 2019, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VNĐ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bồn nước, chậu rửa, Thái Dương Năng, máy lọc nước RO, ống thép. Thời hạn cho vay không vượt quá 6 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (xii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 30200134 ngày 08 tháng 12 năm 2020, hạn mức cho vay 2.000.000 USD (Bằng chữ: Hai triệu Đô La Mỹ chẵn) để mua nguyên vật liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay 180 ngày tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, lãi suất được áp dụng cho khoản tín dụng theo từng kì tính lãi sẽ là mức lãi suất theo qui định của ngân hàng.

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	17.001.100.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ ⁽ⁱ⁾	9.001.100.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	8.000.000.000	-
Vay dài hạn ngân hàng	117.800.962.303	83.182.998.633
Quỹ đầu tư và phát triển thành phố Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	43.360.052.877	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(iv)	-	1.052.092.976
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(v)	48.888.963.260	54.020.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung ^(vi)	25.551.946.166	28.109.951.778
Nợ thuê tài chính	32.414.069.116	30.860.272.979
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.625.742.000	7.719.014.000
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	-	627.337.988
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội	22.040.275.703	22.513.921.991
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	6.748.051.413	-
Trái phiếu thường ^(vii)	-	21.606.750.000
Cộng	167.216.131.419	135.650.021.612

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ, mục đích sử dụng chosản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, có thời hạn 3 năm, lãi suất 10,8%/năm.
- (ii) Khoản vay Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung, mục đích sử dụng cho sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo, có thời hạn 3 năm, lãi suất 7,5%/năm
- (iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 06/2019/HĐTD-SHI ngày 30/09/2019 giữa Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội thời hạn 138 tháng, hạn mức 61.311.000.000 VNĐ, Lãi suất 6,95%/năm, mục đích sử dụng tiền vay thanh toán chi phí thực hiện các gói thầu của dự án.
- (iv) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2016/147831/HĐTD ngày 03 tháng 10 năm 2016, số tiền vay bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay VND là 11%..

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (v) Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m³/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m³/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (vi) Khoản vay theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADDT/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 02/08/2017 giữa công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư “ Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”, dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VNĐ và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội” mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hợp tác đầu tư.
- (vii) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà.

19b. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	10.758.597.293	-	-	(716.125.000)	10.321.972.293
Quỹ phúc lợi					
Cộng	10.758.597.293	-	-	(716.125.000)	10.042.472.293

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)
Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	870.881.810.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	127.286.107.414	977.667.854.466
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	43.377.460.000				(43.377.460.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ					86.261.970.544	86.261.970.544
Trích lập các quỹ						-
Chia cổ tức					(43.384.660.500)	(43.384.660.500)
Phát hành cổ phiếu để đầu tư năm trước						-
Thường bằng cổ phiếu quỹ						-
Thù lao hội đồng quản trị						-
Số dư cuối kỳ này	914.259.270.000	(47.906.902.648)	(4.186.322.972)	31.593.162.672	126.354.952.798	1.020.114.159.850

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	146.078.920.000	139.122.790.000
Ông Lê Hoàng Hà	-	16.227.920.000
Các cổ đông khác	768.180.350.000	715.531.100.000
Cộng	914.259.270.000	870.881.810.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	91.425.927	87.088.181
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	91.107.067	86.769.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	91.107.067	86.769.321

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Doanh thu bán hàng hóa	1.280.453.158.292	785.418.749.542
Doanh thu bán thành phẩm	18.031.659.648	418.193.374.723
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.620.393.154	7.542.308.632
Cộng	1.330.105.211.094	1.211.154.432.897

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chiết khấu thương mại	27.533.870.991	29.805.275.517
Hàng bán bị trả lại	262.689.245	2.252.697.036
Giảm giá hàng bán	-	58.500.000
Cộng	27.796.560.236	32.116.472.553

3. Giá vốn hàng bán

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.192.830.544.256	881.193.155.128
Giá vốn của thành phẩm đã bán	22.118.519.850	228.104.630.467
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.105.043.337	6.864.012.863
Cộng	1.225.054.107.443	1.116.161.798.458

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Lãi tiền gửi	2.871.562.347	1.415.514.191
Lãi tiền cho vay	304.068.712	399.649.999
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	276.555.387	26.464.756
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	454.660.074	79.418.378

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BẢO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Cổ tức nhận được chia	100.000.000.000	103.109.034.349
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	219.698.365
Doanh thu tài chính khác	90.337	2.128.318.745
Cộng	103.906.936.857	107.378.098.783
5. Chi phí tài chính		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí lãi vay	40.177.273.486	31.422.254.328
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	98.312.500	
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	836.906.568	175.271.719
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(1.993.599.870)	2.758.916.965
Chi phí tài chính khác	19.059.731	1.581.530.724
Cộng	39.137.952.415	35.937.973.736
6. Chi phí bán hàng		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí cho nhân viên	15.947.093.813	21.022.752.763
Chi phí vật liệu, bao bì	634.429.951	923.452.230
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.166.041.230	2.036.442.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	606.103.936	447.467.375
Chi phí bảo hành	3.630.306.011	1.486.304.776
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	8.957.649.520	12.673.571.880
Chi phí showroom	4.897.377.681	11.494.941.672
Chi phí quảng cáo, dịch vụ mua ngoài	3.227.962.204	2.184.791.397
Chi phí thuê kho	4.954.532.038	4.303.394.334
Các chi phí khác	1.811.950.670	1.826.433.115
Cộng	46.833.447.054	58.399.552.330
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí cho nhân viên	11.874.815.235	8.810.061.318
Chi phí vật liệu quản lý	121.084.896	461.138.390
Chi phí đồ dùng văn phòng	466.056.877	133.712.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.888.956.585	2.158.654.354
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi		(1.355.200.000)
Thuế, phí và lệ phí	-	51.200.631
Chi phí thanh toán, mở LC	1.968.149.873	688.124.749

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.556.507.306	3.094.753.320
Các chi phí khác	673.102.665	1.522.245.712
Cộng	19.548.673.437	15.564.690.989
8. Thu nhập khác		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Thu nhập khác	33.937.029	178.852.144
Cộng	33.937.029	178.852.144
9. Chi phí khác		
	Quý IV.2020	Quý IV.2019
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.054.865.674	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	947.836.587	467.003.570
Chi phí khác	36.107.183	136.137.627
Cộng	4.038.809.444	603.141.197
10. Lãi trên cổ phiếu		

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ông Lê Vĩnh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.525.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.19).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty con của Tổng công ty Toàn Mỹ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền Sơn Hà Myanmar International Limited	Công ty con
Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Công ty con của Sơn Hà Bếp
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ)

Cho Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.14, V.18 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam và chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh hàng gia dụng. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn